

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ TRỰC TUYẾN TECHPAL**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ TRỰC TUYẾN TECHPAL

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TECHPAL ONLINE TECHNOLOGY INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: TECHPAL ONLINE SOLUTION., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107579686

**3. Ngày thành lập:** 29/09/2016

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 4, số nhà 23, phố Đặng Thùy Trâm, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 19000128

Fax:

Email: [info@baovetructuyen.com](mailto:info@baovetructuyen.com)

Website: [www.baovetructuyen.com](http://www.baovetructuyen.com)

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                             | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sản xuất linh kiện điện tử                                                                                                                                                                            | 2610     |
| 2.  | Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính                                                                                                                                             | 2620     |
| 3.  | Sản xuất thiết bị truyền thông                                                                                                                                                                        | 2630     |
| 4.  | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng                                                                                                                                                                    | 2640     |
| 5.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                               | 4663     |
| 6.  | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                | 4741     |
| 7.  | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                             | 4742     |
| 8.  | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                  | 4752     |
| 9.  | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                 | 6201     |
| 10. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                   | 6202     |
| 11. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính<br>Chi tiết: Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và máy vi ;<br>khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm | 6209     |
| 12. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                                    | 6311     |
| 13. | Cổng thông tin<br>(trừ hoạt động báo chí)                                                                                                                                                             | 6312     |
| 14. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Các dịch vụ thông tin qua điện thoại<br>- Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng                                              | 6329     |
| 15. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                                                                                         | 3100     |

|     |                                                                                                                                                                                                                               |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 16. | Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn                                                                                                                                                                                        | 3311        |
| 17. | Sửa chữa máy móc, thiết bị<br>Chi tiết: Sửa chữa bảo trì các thiết bị, máy móc về phòng cháy chữa cháy hệ thống đảm bảo an toàn                                                                                               | 3312        |
| 18. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                                                                                        | 3313        |
| 19. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                                        | 3314        |
| 20. | Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)                                                                                                                                     | 3315        |
| 21. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                       | 3320        |
| 22. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                         | 4321        |
| 23. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                               | 4322        |
| 24. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết: Lắp đặt hệ thống: Thang máy, cầu thang tự động, các loại cửa tự động, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống hút bụi, hệ thống âm thanh, hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí. | 4329        |
| 25. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Đại lý mua bán ký gửi hàng hóa;                                                                                                                                                        | 4610        |
| 26. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;                                                                                                                    | 4649        |
| 27. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                           | 4651        |
| 28. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                            | 4652        |
| 29. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Kinh doanh thiết bị phòng cháy chữa cháy, chống sét, chống trộm, thiết bị bảo hộ lao động thiết bị cứu nạn cứu hộ                                                | 4659        |
| 30. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.                                                                                          | 8299        |
| 31. | Giáo dục nghề nghiệp<br>Chi tiết: Dạy nghề                                                                                                                                                                                    | 8532        |
| 32. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                                                                                                                     | 9511        |
| 33. | Sửa chữa thiết bị liên lạc                                                                                                                                                                                                    | 9512        |
| 34. | Hoạt động cấp tín dụng khác<br>Chi tiết: Dịch vụ cầm đồ                                                                                                                                                                       | 6492        |
| 35. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                     | 7310        |
| 36. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác<br>Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng                                                                                                                         | 7730        |
| 37. | Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn                                                                                                                                                                                              | 8020(Chính) |

**6. Vốn điều lệ:** 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 1.000.000

## 8. Cổ đông sáng lập:

| STT | Tên cổ đông             | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                              | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | CÔNG TY CỔ PHẦN TECHPAL | Phòng 29 nhà C5, ngõ 182 đường Lương Thế Vinh, Phường Thanh Xuân Bắc, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 400.000    | 4.000.000.000         | 40,000    | 0104469357                                                                                  |         |
|     |                         |                                                                                                                   | Tổng số           | 400.000    | 4.000.000.000         | 40,000    |                                                                                             |         |
|     |                         |                                                                                                                   |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | VŨ NGỌC ĐÌNH            | Số 71 phố Nguyễn Quý Đức, Phường Thanh Xuân Bắc, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                      | Cổ phần phổ thông | 15.000     | 150.000.000           | 1,500     | 013645393                                                                                   |         |
|     |                         |                                                                                                                   | Tổng số           | 15.000     | 150.000.000           | 1,500     |                                                                                             |         |
|     |                         |                                                                                                                   |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | TÓNG THỊ THU HUYỀN      | Khu 2, Thị trấn Bích Động, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam                                               | Cổ phần phổ thông | 575.000    | 5.750.000.000         | 57,500    | 121541933                                                                                   |         |
|     |                         |                                                                                                                   | Tổng số           | 575.000    | 5.750.000.000         | 57,500    |                                                                                             |         |
|     |                         |                                                                                                                   |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 4   | PHẠM VĂN TIẾN           | Thôn Tân Hưng, Xã Thanh Tân, Huyện Thanh Liêm, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam                                              | Cổ phần phổ thông | 10.000     | 100.000.000           | 1,000     | 168493528                                                                                   |         |
|     |                         |                                                                                                                   | Tổng số           | 10.000     | 100.000.000           | 1,000     |                                                                                             |         |
|     |                         |                                                                                                                   |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

## 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

## 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TÔNG THỊ THU HUYỀN

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 07/11/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 121541933

Ngày cấp: 25/03/2002

Nơi cấp: CA Bắc Giang

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Khu 2, Thị trấn Bích Động, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *P.23, nhà C5, Khu TT Đại học Tổng hợp, KTX Mễ Trì, Phường Thanh Xuân Bắc, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội